**Đề thi Học kì 2 - Kết nối tri thức**

**năm 2025**

**Môn: Địa Lí 12**

Thời gian làm bài: phút

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.**Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về

A. nhiệt điện.

B. thủy điện.

C. điện gió.

D. điện mặt trời.

**Câu 2.** Đồng bằng Sông Hồng là vùng

A. có mật độ dân số cao nhất nước.

B. sinh sống của phần lớn các dân tộc ở nước ta.

C. có tỉ ệ gia tăng dân số cao trên 2%.

D. tỉ lệ dân thành thị cao trên 50%.

**Câu 3.** Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

A. Quảng Nam.

B. Hà Tĩnh.

C. Khánh Hòa.

D. Ninh Thuận.

**Câu 4.** Ngành kinh tế biển được phát triển mạnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Khai thác dầu khí và vận tải biển.

B. Nuôi trồng, khai thác hải sản và du lịch biển.

C. Đóng tàu và chế biến lâm sản.

D. Đánh bắt cá nước ngọt và sản xuất muối.

**Câu 5.** Vị trí địa lí của Tây Nguyên không giáp với vùng kinh tế nào?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đông Nam Bộ.

C. Duyên hải miền Trung.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 6.**Khai thác bô-xit ở Tây Nguyên đang được triển khai trong các dự án ở các tỉnh

A. Lâm Đồng, Kon Tum.

B. Đắk Lắk, Đắk Nông.

C. Gia Lai, Kon Tum.

D. Lâm Đồng, Đắk Nông.

**Câu 7.**Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được thành lập vào năm

A. 1996.

B. 1997.

C. 1998.

D. 2009.

**Câu 8.** Một trong những đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta là

A. có tỉ trọng nhỏ trong tổng GDP của quốc gia.

B. tạo ra tốc độ phát triển nhanh cho cả nước.

C. phạm vi gồm nhiều tỉnh, ranh giới ổn định.

D. khả năng thu hút vốn đầu tư còn nhiều hạn chế.

**Câu 9.**Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

A. Nguồn lao động dồi dào, sớm tiếp cận kinh tế thị trường.

B. Được bổ sung nguồn nguyên liệu dồi dào ở các vùng khác.

C. Tài nguyên tự nhiên nổi trội hàng đầu là các mỏ dầu khí.

D. Các thế mạnh của vùng khai thác chưa đạt hiệu quả cao.

**Câu 10.**Một trong những định hướng phát triển của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

A. phát triển dịch vụ cảng biển, du lịch biển và du lịch sinh thái.

B. tập trung sản xuất nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn, nông nghiệp hữu cơ.

C. tập trung vào các ngành công nghệ cao như sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện, điện tử.

D. đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ.

**Câu 11.** Vùng biển Việt Nam không tiếp giáp với nước nào sau đây?

A. Trung Quốc.

B. Lào.

C. Campuchia.

D. Philippines.

**Câu 12.**Biển Đông có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

A. Biển kín, ít chịu tác động từ đại dương.

B. Biển lớn, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa.

C. Ít ảnh hưởng đến thời tiết và khí hậu nước ta.

D. Có diện tích nhỏ nhất trong các vùng biển thế giới.

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thuỷ sản của vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2010 – 2021**

(Đơn vị: nghìn tấn)



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

**a)** Tổng sản lượng thuỷ sản của vùng đang có xu hướng ngày càng giảm mạnh.

**b)** Sản lượng thuỷ sản khai thác luôn lớn hơn sản lượng thuỷ sản nuôi trồng.

**c)** Tốc độ tăng trưởng của sản lượng thuỷ sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

**d)** Sản lượng nuôi trồng thuỷ sản của vùng tăng là do người lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất.

**Câu 2.**Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010 – 2021**

(Đơn vị: nghìn tấn)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Khai thác | 1012,5 | 1232,1 | 1513,4 | 1508,1 |
| Nuôi trồng | 1986,6 | 2471,3 | 3320,8 | 3410,5 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2011, 2016, 2022)*

**a)** Sản lượng thủy sản khai thác tăng trưởng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

**b)** Tổng sản lượng thủy sản năm 2021 tăng 1,6 lần so với năm 2010.

**c)** Hoạt động nuôi trồng thủy sản ngày càng có vai trò quan trọng trong ngành thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**d)** Sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng cao và ngày càng tăng chủ yếu do diện tích mặt nước lớn, nhu cầu thị trường tăng, hiệu quả kinh tế cao.

**3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.*

**Câu 1.**Tổng diện tích rừng Tây Nguyên năm 2021 là 2 572,7 nghìn ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 2 104,1 nghìn ha.

a) Tính diện tích rừng trồng của Tây Nguyên năm 2021.

b) Vậy diện rừng trồng của Tây Nguyên chiếm bao nhiêu % trong tổng diện tích rừng của vùng? *(Làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Câu 2.**Năm 2021, sản lượng thủy sản khai thác của Đông Nam Bộ là 374,1 nghìn tấn, sản lượng nuôi trồng là 144,2 nghìn tấn.

a) Sản lượng khai thác chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng sản lượng thủy sản? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của đơn vị %)*

b) Sản lượng khai thác gấp bao nhiêu lần sản lượng thủy sản? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của đơn vị lần)*

**Câu 3.**Năm 2021, đồng bằng sông Cửu Long có diện tích trồng lúa là 3898,6 nghìn ha, sản lượng lúa là 24,3 triệu tấn.

a) Tính năng suất lúa của đồng bằng sông Cửu Long năm 2021*. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của đơn vị tạ/ha)*

b) Tính bình quân lương thực đầu người năm 2021 ở đồng bằng sông Cửu Long, biết dân số đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 là 17,4 triệu người. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của đơn vị tấn/người)*

**Câu 4.**Cho bảng số liệu:

***Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hoá bằng đường biển của nước ta***

***giai đoạn 2010 – 2021***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Vận chuyển (triệu tấn)** | **Luân chuyển (triệu tấn.km)** |
| 2010 | 61,6 | 145 521,4 |
| 2015 | 60,8 | 131 835,7 |
| 2019 | 77,1 | 154 753,2 |
| 2021 | 69,9 | 70 130,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2020, 2022)*

a) So với năm 2010, khối lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển năm 2019 tăng bao nhiêu triệu tấn? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của đơn vị triệu tấn)*

b) Tính trung bình mỗi tấn hàng hóa vận chuyển bằng đường biển năm 2010 đi được bao nhiêu km? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của đơn vị km/tấn)*

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Nêu đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta.

**Câu 2.**Cho bảng số liệu:

***Sản xuất lúa gạo của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước giai đoạn 2010 - 2021***



(Nguồn: Niêm giám Thống kê Việt Nam năm 2011, 2014 và 2020)

a) Biểu đồ nào thích hợp thể hiện diện tích và sản lượng lúa gạo của Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010 – 2021?

b) Nhận xét về diện tích và sản lượng lúa gạo của Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010 – 2021.

**ĐÁP ÁN**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM**

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | B | A | C | D | D | B | B | A | B | A | A | D |

**2. Câu trắc nghiệm Đúng/Sai**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án a** | **Đáp án b** | **Đáp án c** | **Đáp án d** |
| **1** | Sai | Đúng | Sai | Đúng |
| **2** | Sai | Đúng | Đúng | Đúng |

**3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án a** | **Đáp án b** | **Câu** | **Đáp án a** | **Đáp án b** |
| **1** | 468,6 nghìn ha | 18,2% | **3** | 62,3 tạ/ha | 1,4 tấn/người |
| **2** | 72,2% | 2,6 lần | **4** | 16,1 triệu tấn | 262,5 km/tấn |

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **1** | Đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta là: | 1,0 |
| - Hội tụ các yếu tố thuận lợi về vị trí địa lí, nguồn lực tự nhiên và nguồn lực kinh tế - xã hội, tạo nên tiềm lực lớn cho phát triển kinh tế - xã hội. | 0,25 |
| - Được ưu tiên đầu tư (về vốn, khoa học - công nghệ, cơ sở hạ tầng,...), từ đó tạo khả năng phát triển các ngành mới về công nghiệp, dịch vụ, tăng tốc độ phát triển và có thể lan tỏa đến các lãnh thổ khác. | 0,25 |
| - Có đóng góp lớn cho quốc gia, giữ vai trò động lực trong sự phát triển chung của cả nước. Vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm thể hiện ở tỉ trọng đóng góp trong cả nước về GDP, tăng trưởng kinh tế, cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giá trị xuất khẩu,... | 0,25 |
| - Số lượng và phạm vi lãnh thổ của các vùng kinh tế trọng điểm thay đổi phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. | 0,25 |
| **2** | a) Biểu đồ thích hợp để thể hiện diện tích và sản lượng lúa gạo của Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010 – 2021 là biểu đồ kết hợp (cột + đường). | 0,5 |
| b) Nhận xét: | 0,5 |
| - Diện tích lúa ở ĐBSCL có sự biến động nhẹ: tăng từ 3945,9 nghìn ha (2010) lên 4301,5 nghìn ha (2015), sau đó giảm xuống còn 3898,6 nghìn ha (2021). Giai đoạn 2015–2021 giảm mạnh hơn 400 nghìn ha. | 0,25 |
| - Sản lượng lúa ở ĐBSCL có xu hướng giảm, nhưng sản lượng vẫn duy trì ở mức cao: từ 21,6 triệu tấn (2010) → 25,6 triệu tấn (2015) → 24,3 triệu tấn (2021). | 0,25 |